VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 05.01.2026 16:32:53 +07:00

TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 362/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 05/01/2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về khai, thu, nộp phí, lệ phí; quyết toán phí; quản lý và sử dụng phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến khai, thu, nộp phí, lệ phí; quyết toán phí; quản lý và sử dụng phí.

Điều 3. Khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.

Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các quy định sau đây:

a) Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

b) Nộp cho tổ chức thu phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, lệ phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ quan, tổ chức nhận tiền phí, lệ phí khác với tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí, lệ phí.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí thu được như sau:

a) Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này và tổ chức thu lệ phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện khai, nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Riêng tổ chức thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh không phải khai phí, lệ phí và thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này và tổ chức thu phí không phải là cơ quan nhà nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí có quy định về thời hạn tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách hoặc tài khoản thu ngân sách nhà nước định kỳ hằng ngày hoặc hằng tuần thì thực hiện theo quy định đó.

c) Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

4. Phí, lệ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thu thực hiện khai, nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

6. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện tính tiền chậm nộp, xử lý số tiền phí, lệ phí nộp thừa, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện một số biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

7. Đồng tiền khai, thu, nộp phí, lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định cụ thể đối với từng loại phí, lệ phí. Trong đó:

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Trường hợp quy định thu bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau:

Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

Trường hợp nộp phí, lệ phí qua Kho bạc Nhà nước thì áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm nộp phí, lệ phí do Bộ Tài chính công bố.

Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt hoặc theo hình thức khác cho tổ chức thu phí, lệ phí thì áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí hoặc cuối ngày làm việc liền trước ngày lễ, ngày nghỉ.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp Nghị định này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về việc quản lý và sử dụng phí thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí không phải là cơ quan nhà nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

Điều 5. Xác định tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí

1. Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu phí đối với các trường hợp tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được để lại = Số tiền phí thực thu được x Tỷ lệ để lại.

b) Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí hoặc số chi phí dự kiến cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được hoặc số phí dự kiến thu được}} \times 100$$

Trong đó:

Dự toán cả năm về chi phí dự kiến cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

Dự toán cả năm về phí thu được được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

Trường hợp điều chỉnh tỷ lệ để lại, ngoài việc căn cứ vào dự toán thu, chi hoặc số liệu thu, chi của doanh nghiệp còn phải căn cứ số liệu thu, chi của 03 năm trước liền kề.

Tỷ lệ để lại tối đa không quá 100%.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất.

Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động cung cấp, dịch vụ thu phí của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển từ năm trước sang năm sau qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo các nội dung sau đây:

a) Chi thường xuyên:

Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương, trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Chi phí phục vụ cho việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

Chi thuê, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

Chi mua sắm vật tư, ấn chỉ, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên:

Chi thuê, mua sắm, sửa chữa tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

Các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

3. Hằng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Đối với tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi quyết toán thu, chi theo đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định kể từ thời điểm kết thúc năm ngân sách; trường hợp hết 05 năm chưa chi hết số tiền phí được để lại, tổ chức thu phí phải nộp ngân sách nhà nước số tiền phí đã được chuyển chưa chi hết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí hết hiệu lực thi hành kể từ Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

"d) Người nộp phí nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các quy định sau đây:

Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí.

Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cơ quan, tổ chức nhận tiền phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

"b) Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."

c) Bổ sung khoản 5 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

"5. Tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định."

d) Bãi bỏ Điều 8 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP; bãi bỏ nội dung "Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách số... của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước..." tại Mẫu số 02 và nội dung "Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách số... của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước..." tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài và Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

5. Đối với số tiền phí thu được trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP. Đối với số tiền phí được trích để lại trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp hết 02 năm kể từ năm được chuyển nguồn theo quy định tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP mà chưa chi hết số tiền phí được để lại này, tổ chức thu phí phải nộp ngân sách nhà nước số tiền phí đã được chuyển nguồn chưa chi hết.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa kịp sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định thu phí, lệ phí thì việc khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

7. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Luật Phí và lệ phí. Đồng thời, thực hiện các quy định như sau:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí bao gồm các nội dung sau:

Đề án thu phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu phí; miễn, giảm phí; dự toán thu, chi; tỷ lệ để lại; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí, hiệu quả thu phí.

Đề án thu lệ phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu lệ phí; miễn, giảm lệ phí; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp lệ phí, hiệu quả thu lệ phí.

b) Trình bộ quản lý chuyên ngành thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

c) Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu thì không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí.

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định đề án thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí hoặc xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu phí, lệ phí.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và thẩm định đề án thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí trong trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí không xây dựng đề án và trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính.

c) Có văn bản gửi Bộ Tài chính kèm đề án thu phí, lệ phí do tổ chức thu phí, lệ phí xây dựng đã được thẩm định hoặc đề án thu phí, lệ phí do mình xây dựng để Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

d) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng đề án bổ sung khoản phí, lệ phí mới chưa có trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí hoặc đề án sửa đổi, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí đã có trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và có công văn gửi Bộ Tài chính kèm theo đề án để Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc tự báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tại Luật chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Phí và lệ phí và chịu trách nhiệm về khoản phí, lệ phí đã đề xuất theo quy định của pháp luật.

4. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí chỉ được thu khi có văn bản quy định mức thu.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 67b

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Hồ Đức Phớc